

Bản án số: 24/2023/HS - ST

Ngày: 19/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Ngọc Hùng;
Ông Ninh Quang Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Định, Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST- S, ngày 03/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 13/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức Ch (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/11/1979 tại HN; Nơi ĐKKHKT: Số 4 Hẻm 381/9/35 BM, phường BM, quận HBTr, HN; Chỗ ở hiện nay: số 192, tổ 5, khu CN, phường MKh, thị xã ĐTr, tỉnh QN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Th (Đã chết) và bà Vũ Thị Đ (Đã chết); Vợ thứ nhất: Vũ Thị D, đã ly hôn; Vợ thứ hai: Mạc Thị Thùy D; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Công S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 29/12/1982 tại tỉnh ThNg; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 5, thị trấn ĐT, huyện ChM, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công B, sinh năm 1962 và Phùng Thị Ng, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Ngọc H; Có 02 con: con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 18/01/2023 thì được tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa;

3. Nguyễn Văn Tr (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/5/1973 tại tỉnh ND; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 9, thị trấn ĐT, huyện ChM, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Kiểm lâm viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trung Ch (Đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1949; Vợ: Vũ Thị Bích Y; Có 02 con: con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 18/01/2023 thì được tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa;

4. Phạm Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/3/1972 tại tỉnh BK; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 11, thị trấn ĐT, huyện ChM, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Kiểm lâm viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hữu Th (Đã chết) và Vũ Thị S (Đã chết); Vợ: Đặng Thị Thúy H; Có 02 con: con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 02/02/2023 thì được tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Triệu Văn Th, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm TK, xã ThS, huyện VNh, tỉnh ThNg. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 1, phường VTh, huyện ĐTr, tỉnh QN. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Lâm Văn H, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn NM xã HB, huyện BG, tỉnh LS. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Mai Xuân H, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn NR, xã NhC, huyện ChM, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Phí Hoàng N, sinh năm 1998, địa chỉ: Tổ 7, thị trấn ĐT, huyện ChM, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Hà Anh K, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn BN, xã NgT, huyện VNh, tỉnh ThNg. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Lường Đình Th, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn NCh, xã NhC, huyện ChM, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Lường Hoàng Th, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn NT, xã NhC, huyện ChM, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2022, Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1979, thường trú tại số 4, hẻm 381/9/35, BM, phường BM, quận HBTr, thành phố HN, tạm trú tại số 192, tổ 5, khu CN, phường MKh, ĐTr, QN đến huyện ChM, tỉnh BK liên hệ tìm mua cây Mai rừng tự nhiên (Cây Mai vàng) về trồng làm cây cảnh. Thông qua Triệu Văn Th, sinh năm 1988, trú tại xóm TK, xã ThS, huyện VNh, tỉnh ThNg, Ch gặp và làm quen với Nguyễn Công S, sinh năm 1982, Trưởng Công an xã NC, huyện CM; Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1973, Trám trưởng Trám Kiểm lâm YĐ, huyện

CM và Phạm Văn T, sinh năm 1972, Kiểm lâm viên Trạm Kiểm lâm YĐ. Chiều ngày 30/5/2022, Th gọi điện mời Tr đến ăn cơm tại quán LD ở tổ 7, thị trấn ĐT, huyện ChM. Tr gọi điện thoại rủ thêm T và S cùng. Trong lúc ăn cơm, Ch nói với S, Tr và T về việc sắp tới Ch sẽ đến huyện ChM để tìm mua cây Mai vàng về làm cây cảnh, nên nhờ S, Tr và T tạo điều kiện. Tr bảo Ch khi nào đến mua cây thì gọi điện thoại, nghe vậy Ch hiểu là S, Tr, T đã đồng ý cho Ch đến xã NhC, huyện ChM mua và vận chuyển cây Mai vàng.

Qua tìm hiểu biết tại xã NhC, huyện ChM có người đào được bảy gốc cây Mai vàng, nên sáng ngày 04/6/2022 Nguyễn Đức Ch gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Tr để đặt vấn đề đến mua và xin vận chuyển mấy gốc cây Mai vàng. Qua điện thoại Tr nói: *“Cứ lên đi, có gì gọi cho anh”* và nhờ Ch mua hộ hai kilôgam mực tươi và hai kilôgam tôm tươi. Buổi chiều cùng ngày, Ch thuê xe ô tô BKS 14C-X của Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, trú tại tổ 1, VTh, ĐTr, QN và rủ Lâm Văn H, sinh năm 1989, trú tại thôn NM, xã HB, huyện BG, tỉnh LS đi đến xã NhC, huyện ChM để vận chuyển bảy gốc cây Mai vàng về tỉnh QN. Khoảng 17 giờ ngày 04/6/2022 Ch đi đến thị trấn ĐT và gọi điện thoại cho Tr bảo đã lên đến nơi và muốn gặp, thì được Tr hướng dẫn, chỉ đường đến nhà ở tổ 9, thị trấn ĐT. Khi Ch đến gặp Tr tại cổng nhà, Ch đưa cho Tr hai kilôgam mực tươi và hai kilôgam tôm tươi, Tr có ý định trả tiền nhưng Ch không lấy, Ch mời Tr đi ăn cơm tối nhưng Tr từ chối. Ch đặt vấn đề với Tr đi vào xã NhC xem mấy cây Mai vàng, nếu mua được thì xin phép vận chuyển qua địa bàn, Tr nói với Ch là hôm nay Phạm Văn T trực và bảo Ch đến Trạm Kiểm lâm YĐ gặp T. Sau đó, Tr đi đến Trạm Kiểm lâm YĐ lấy mấy củ sả và gặp T ở đây, Tr nói với T: *“Lát nữa có Ch đến gặp để xin vận chuyển cây, anh xem xét”*. Trên đường đi vào xã NhC, Ch gọi điện thoại cho Nguyễn Công S để thông báo là tối nay Ch vào xã NhC mua cây Mai vàng và xin phép S cho vận chuyển. S bảo Ch: *“Cứ vào đi, có gì thì gọi điện”*. Sau khi trao đổi đặt vấn đề xin vào xã NhC mua và vận chuyển cây Mai vàng với Tr và S, Ch hiểu là Tr và S đã đồng ý. Khi vào đến thôn KhCh, xã NhC, Ch đã mượn xe mô tô của người dân ở cạnh đường đi đến Trạm kiểm lâm YĐ tại đây Ch gặp T tại phòng làm việc của Tr, Ch nói với T là tối nay Ch vào mua mấy cây Mai vàng của người dân ở xã NhC, xin phép T cho vận chuyển, T nói với Ch: *“Đi thì đi thôi”*. Nghe T nói vậy, Ch mời T đi ăn cơm nhưng T từ chối, nên Ch đặt trên bàn uống nước, kẹp dưới khay uống nước số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) gồm 08 (Tám) tờ mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và nói là tiền gửi các anh uống nước, rồi đi vào xã NhC mua cây. Trên đường đi, Ch gọi điện cho S xin số tài khoản và chuyển cho S 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) từ số tài khoản X ngân hàng MBBank của Ch đến số tài khoản Y ngân hàng BIDV của S, vì thời điểm đó S không có mặt ở ChM. Mục đích Ch chuyển tiền cho S là để cảm ơn S đồng ý cho Ch mua và vận chuyển cây Mai vàng. Đối với T, sau khi nhận 4000.000đ tiền của Ch, khoảng 18 giờ cùng ngày, T đến nhà và đưa cho Tr 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và nói với Tr là Ch mời ăn cơm nhưng không đi nên Ch đưa tiền uống nước, Tr nhận tiền từ T cất vào túi quần, còn T đi về.

Sau khi chuyển tiền qua tài khoản cho Nguyễn Công S, trong lúc chờ bốc cây, Nguyễn Đức Ch và S nhắn tin trao đổi các nội dung liên quan đến việc mua bán, vận chuyển cây Mai vàng. Ch thông báo cho S biết biển số xe tải Ch thuê để chở cây, thời điểm bốc cây lên xe và hỏi S thời gian vận chuyển cây để tránh bị phát hiện. S hỏi Ch vận chuyển mấy cây và hướng dẫn Ch cho người canh đường và thời gian vận chuyển để tránh lực lượng chức năng phát hiện. Phạm Văn T cũng nhắn tin cho Ch để dặn tầm khoảng 1, 2 giờ sáng ngày 5/6/2022 hãy vận chuyển cây. Hồi 00 giờ 20 phút, ngày 05/6/2022, khi xe ô tô biển kiểm soát 14C - X do Nguyễn Văn T điều khiển đi theo đường ĐT 256 đến địa phận thôn NT, xã NhC thì Công an huyện ChM phát hiện và lập biên bản. Sau đó, Ch nhắn tin thông báo cho S, T và Nguyễn Văn Tr biết, nhưng chỉ có Tr trả lời tin nhắn của Ch và dặn cố gắng xin để không bị xử lý.

Mục đích Nguyễn Đức Ch mua cây Mai vàng và vận chuyển về nhà tại QN để ươm trồng và sau đó bán lại cho những người khác để kiếm lời.

Ngày 22/4/2022 UBND xã NhC có kế hoạch số 215/KH-UBND về việc kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm về khai thác, phá rừng và tàng trữ lâm sản trái pháp luật. Ngày 04/5/2022 Trạm kiểm lâm YĐ ban hành kế hoạch số 03/KH-UBND, về việc kiểm tra việc khai thác cây rừng tự nhiên trên địa bàn. Ngày 14/6/2022 UBND huyện ChM ban hành công văn số 1222/UBND-KL về việc khai thác, mua bán, vận chuyển cây Mai vàng tự nhiên.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSBK-P1 ngày 02/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ch về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Điều 364 BLHS có nội dung:

“1. Người nào trực tiếp.... đưa cho người có chức vụ, quyền hạn....bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 19/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn có thông báo bổ sung về việc truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ch về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 BLHS, do phạm tội từ hai lần trở lên.

Truy tố các bị cáo Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 BLHS.

Điều 354 BLHS có nội dung:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận....bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó... để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.....;

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng và Thông báo sửa chữa, bổ sung đã nêu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S từ 12 đến 15 tháng tù; Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù; Nguyễn Văn Tr từ 06 đến 09 tháng tù; Nguyễn Đức Ch từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Án phí và vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Thông báo sửa chữa, bổ sung nội dung cáo trạng, truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ch theo điểm đ khoản 2 Điều 364 BLHS, do hành vi phạm tội từ hai lần trở lên. Bị cáo Chiến đề nghị HĐXX không trả hồ sơ điều tra bổ sung mà tiếp tục xét xử, vì hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ và bị cáo cũng không thuê Luật sư bào chữa. Do đó, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Ngày 04/6/2022, sau khi mua được bảy gốc cây Mai vàng ở xã NhC, huyện ChM không có hồ sơ hợp pháp. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đức Ch đến Trạm kiểm lâm YĐ gặp Phạm Văn T, Kiểm lâm viên đưa cho T 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), T đưa cho Nguyễn Văn Tr, Trạm trưởng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và giữ lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Sau đó, Ch chuyển khoản cho Nguyễn Công S, Trưởng Công an xã NhC 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Mục đích Nguyễn Đức Ch thực hiện hành vi đưa tiền cho Phạm Văn T, Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Công S, là để khi vận chuyển bảy gốc cây Mai vàng qua địa phận huyện ChM không bị Công an xã NhC và Trạm Kiểm lâm YĐ bắt giữ, xử lý. Hành vi của bị cáo Ch đã cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để nhận tiền của Nguyễn Đức Ch, để Ch vận chuyển bảy gốc cây Mai vàng qua địa phận huyện ChM không bị Công an xã NhC và Trạm Kiểm lâm YĐ bắt giữ, xử lý. Số tiền các bị cáo nhận đã đủ định lượng theo quy định của điều luật. Hành vi của các bị cáo S, Tr và T đã cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 BLHS.

Do vậy, Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến uy tín, niềm tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu cho hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội độc lập, không cố ý thực hiện một tội phạm, nên không phải là đồng phạm. Tuy nhiên, HĐXX sẽ đánh giá số tiền từng bị cáo nhận khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T đều có nhân thân tốt, đều phạm tội lần đầu và không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Đức Ch quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được UBND thị xã ĐTr tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác văn hóa và thông tin; quá trình điều tra, giải quyết vụ án, bị cáo Ch đã hợp tác, để việc giải quyết vụ án thuận lợi. Tuy chưa đủ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS, nhưng xét thấy cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, bị cáo Chiến được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Công S quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhận được nhiều Bằng khen, Giấy khen về thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; bị cáo nhờ vợ là Nguyễn Ngọc H nộp lại số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đã nhận của Nguyễn Đức Ch. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là Phùng Ngọc L và chú ruột là Nguyễn Công Th là liệt sỹ. Do đó, bị cáo S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được tặng nhiều Giấy khen vì có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhận hối lộ. Ngoài ra, bị cáo Tr có bố đẻ là ông Nguyễn Chung Ch là liệt sỹ và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo Trường được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v và x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Phạm Văn T quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được tặng nhiều Giấy khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhận hối lộ. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức Ch có nhân thân tốt, bị cáo là lần đầu phạm tội, từ trước đến nay luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, đủ khả năng tự cải tạo. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, cho bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng là đảm bảo sức răn đe, giáo dục.

Các bị cáo Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Do vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo S, Tr và T đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, áp dụng điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Đức Ch là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Các bị cáo Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T bị cách chức các chức vụ, hoàn cảnh khó khăn, kinh tế gia đình hiện tại phụ thuộc vào vợ. Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với ba chiếc điện thoại của Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T, xác định là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000đ Nguyễn Văn Tr tự nguyện giao nộp, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Phạm Văn T tự nguyện giao nộp và 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) do bà Nguyễn Ngọc H là vợ của bị cáo Nguyễn Công S tự nguyện giao nộp cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với bảy gốc cây Mai vàng thu giữ của Nguyễn Đức Ch khi vận chuyển, cần giao lại cho Lâm trường huyện ChM để chăm sóc, bảo quản.

[7] Trong vụ án còn có:

Đối với Triệu Văn Th, Nguyễn Văn T và Lâm Văn H, kết thúc điều tra xác định, những cá nhân trên không biết và không được tham gia vào việc Nguyễn Đức Ch đưa hối lộ nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ;

Đối với ông Mai Xuân H, Chủ tịch UBND xã NhC, quá trình điều tra xác định: Ngày 30/5/2022 Nguyễn Đức Ch có chuyển số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến số tài khoản Z (Ngân hàng Agribank) của ông H. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu thu thập được đã làm rõ, trước đó ông H cho Triệu Văn Th vay 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngày 30/5/2022 khi gặp nhau tại thị trấn ĐT, Th đã nhờ Ch chuyển số tiền trên cho ông H để trả nợ. Xét thấy, đây chỉ là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với ông H là phù hợp;

Đối với ông Phí Hoàng N, cán bộ Công an xã NC, xét thấy: Sau khi nhận số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) từ Nguyễn Đức Ch vào ngày 04/6/2022, ngày 05/6/2022 Nguyễn Công S đã chuyển số tiền trên đến số tài khoản X ngân hàng BIDV của Phí Hoàng N. Do ban đầu ông N không biết số tiền trên là tiền vật chứng trong vụ án, chỉ nghĩ là tiền S gửi giữ hộ, nên đã khai báo với Cơ quan điều tra là tiền S trả, do S vay trước đó. Sau khi biết số tiền trên có liên quan đến vụ án, ngày 31/10/2022 ông N đã trực tiếp đưa số tiền trên cho S. Số tiền này bà Nguyễn Ngọc H là vợ của S đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Do ông N không biết số tiền có liên quan đến vụ án, không biết đó là tiền vật chứng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định;

Về nguồn gốc bảy gốc cây Mai, qua điều tra xác định: Ngày 04/6/2022 Nguyễn Đức Ch đã mua một cây từ Lương Hoàng Th, sinh 1984, trú tại thôn NT, xã NhC, huyện ChM với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); mua năm cây từ Hà Anh K, sinh năm 1979, trú tại thôn BN, xã NgT, huyện VNh, ThNg với giá 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và một cây từ Lương Đình Th, sinh 1987, trú tại thôn NCh, xã NhC, huyện ChM với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Kết thúc điều tra, đã làm rõ hành vi của các cá nhân trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo Điều 232 BLHS nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện ChM để xử lý hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Ch phạm tội “Đưa hối lộ”. Các bị cáo Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T phạm tội “Nhận hối lộ”.

1.1 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ch 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường MKh, thị xã ĐTr, tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày ngày 21/10/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s, v và x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày ngày 21/10/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.4 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày ngày 21/10/2022 đến ngày 02/02/2023.

2. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2.1 Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Đức Ch; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Tr; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, kiểu máy Iphone 6 Plus đã qua sử dụng của Phạm Văn T. Cả ba chiếc điện thoại trên được niêm phong trong phong bì ký hiệu “3263”.

2.2 Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Nguyễn Văn Tr tự nguyện giao nộp; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Phạm Văn T tự nguyện giao nộp; 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) do bà Nguyễn Ngọc H là vợ của bị cáo Nguyễn Công S tự nguyện giao nộp.

2.3 Giao cho Lâm trường huyện ChM chăm sóc, bảo quản 07 (bảy) gốc cây Mai vàng thu giữ của Nguyễn Đức Ch.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn Tr và Phạm Văn T mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương

- Lru.